

# NĂM THÁNG TUỔI THƠ THUỞ NÀO

Người ta một đời có những quãng trời kỷ niệm khác nhau. Ở đâu đó, lúc nào đó dù đã qua đi như mây bay, như gió thoảng nhưng vẫn để lại ngổn ngang vết tích buồn cũng có, vui cũng có. Vết tích quện chặt theo thời gian làm nên mối cảm hoài mang mang không bao giờ nhạt phai là kỷ niệm. Tôi có những kỷ niệm thời đi học ở Phan Thiết, Sài Gòn. Tôi có những kỷ niệm nổi nhọc nhằn nơi quân trường Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia, Trường Bộ Binh Thủ Đức. Tôi cũng có những kỷ niệm rày đây mai đó thời chinh chiến ở Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Nha Trang, Quảng Đức. Tôi lại có những kỷ niệm dạt dào tình yêu “bồ bịch”, vợ chồng. Tôi còn thêm nữa những kỷ niệm xót đau 9 năm “học tập cải tạo”...Và tôi có, và tôi còn có quá nhiều cũng như



Vườn Bông Cọng Hòa

bạn bè tôi có quá nhiều những chuyện qua đi để lại làm sao nói cho hết. Nhưng ở đây, tôi muốn nói tới tôi thời niên thiếu hoa mộng ở Phan Thiết quê tôi đầy ắp nỗi niềm cổ cựa ngọt ngào. Nơi mà tôi năm, sáu giờ sáng dậy học bài bên ba má tôi vừa uống nước trà sáng với kẹo thèo lèo vừa kể chuyện đời xưa. Nơi mà tôi thuộc lòng những câu “tiên học lễ hậu học văn”, “nhi hành thiên lý mẫu đảm ưu”, “tử bất giáo phụ chi quá, giáo bất nghiêm sư chi đoạ”, “phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương”...của ba má tôi dạy cho. Ở đây có con sông, có bãi biển, có núi rừng, có ruộng vườn, có những con đường phố nhỏ vắng vẻ, đìu hiu...là quê tôi Phan Thiết một thời tuổi thơ thuở nào của tôi rộn ràng đi qua, đi qua thênh thang, mênh mông mà một khi ngoái về thì lòng dạ nhớ thương vời vời!!!

Về Phan Thiết và kỷ niệm đời mình, tôi đã nói nhiều trong những bài viết Quê Tôi Ngày Bé Thơ Lớn Lên, Về Lại Cố Hương, Nỗi Niềm Cổ Cựa, Những Giòng Sông Lịch Sử Đời Người...cho nên, ở đây tôi chỉ nói những điều chưa nói ra hay nói chưa hết thời tuổi hoa niên. Hồi đó lâu lắm, chắc 1949 trở về trước, nhà tôi bước mấy bước là tới Vườn Bông Cọng Hòa ở giữa 2 con đường cái mà một nửa sát dốc Cầu Quan trước kia là Nhà Hàng Manchaud của một ông chủ Tây cụt tay, thích săn voi, săn cọp ở giữa là con đường ngắn nối qua phố bên kia con Đường Nguyễn Thái Học và phần cuối một nửa còn lại là dãy kiosques không biết bán buôn gì. Tôi lúc bấy giờ là thằng nhỏ năm, bảy tuổi còn nhớ kể bên có một ông Cảnh Sát Tây. Ông Cảnh Sát Tây hồi đó, tôi nhớ mang máng gọi là Cai Tuần thường mặc áo trắng cụt tay, quần “sort” trắng, nón cối trắng và cái “matraque” trắng đứng trên cái bục cũng trắng chỉ đường cho xe qua lại. Một lần, những chiếc máy bay âm âm trên trời cao tôi thấy bay trên nóc dãy tiệm Nước Mắm Vĩnh

Hương, Xe Đạp Tân Lập, Xe Đạp Lê Chánh Ngữ sau này và người lớn báo động “máy bay Đồng Minh, máy bay Đồng Minh”. Vẫn còn nhớ dù quá xa xưa, chúng tôi những đứa bé ăn mặc lượm lượm đứng bên nay đường nơi căn nhà nhỏ sau này là Tiệm Sách Vui Vui nhìn qua bên kia



Quốc Lộ I Phú Lâm

đường thấy lộng vàng che Hoàng Đế Bảo Đại ngồi kiệu; thấy Ngự Lâm Quân gươm giáo hai hàng nghênh ngang; thấy con voi sặc sỡ áo quần có người nài ngồi trên...và chiêm trống và người ta ồn ào biết chừng nào. Tôi cứ nghe hoài những chuyện mấy người lớn nói với nhau không biết mô tê: “Thằng Lu, Thằng Lai theo Tây giết người không góm tay”; “Nơi đầu Cầu Quan, nhiều người Lính Nhứt Bốn mổ bụng tự tử”. Tôi có những đứa bạn cùng xóm như Tâm Tư, Điềm, Chánh,

Khuôn, Hợp...và biết ông Chà Và lấy vợ Việt Nam trước nhà, Bà Chín làm bánh ít “bỏ mỗi chợ”, Chú Thím Quãng Ích tiệm điện, Ông Bà Năm Sở nhuộm guốc cấm, Chú Thím Tám Heo; “Lính Ma Rốc Cốc Keng” nơi Phòng Ngủ Hải Thiên...Rồi đưa cháu rể bà con trong Ba Hòn nhắn tin rằng: “Việt Minh sẽ đánh Phan Thiết nay mai, Chú Thím đông con, nên về vùng nhà quê mà sống cho yên”. Một ngày Mùa Hè năm 1949, ba má tôi sợ “Việt Minh sẽ đánh Phan Thiết nay mai” mà bỏ thị thành, dắt bầy con đến vùng ruộng nương Cây Số Sáu, Phú Lâm làm ăn ba chìm bảy nổi. Người ta ở lại, đã không có gì xảy ra, lại ăn nên làm ra nữa. Ở đây Cây Số Sáu, Phú Lâm, một lần tôi đã thấy Việt Minh “áo mặc một tay làm ám hiệu” phục kích đoàn “convoi” của Pháp nơi bờ ruộng lúa trước nhà. Mìn nổ trật, đoàn “convoi” Pháp cứ chạy và súng cứ bắn. Lính phục kích Việt Minh ơi ới, vừa rút lui vừa bắn cản hậu. Bắn qua bắn lại, Pháp không biết tin tức gì; Việt Minh có mấy người chết hay bị thương không biết kêu la om sòm phải khiêng về Mặt Khu Ba Hòn. Vì rừng rú âm u, khô cằn, nghe nói “đất cứng”, em gái út của tôi qua đời? Ba má tôi như người hết cả hồn vía. Chị Hai Dư nhà kế bên cũng chết sau đó không lâu vì bệnh không có thuốc uống. Hồi chị còn sống, vào ba, bốn giờ sáng tinh mơ phải gánh một gánh cải nặng biết mấy về Chợ Phan Thiết bán. Chị một mình phải qua khu nghĩa địa âm u ma ám và đình Làng Phú Lâm xưa cũ đổ nát người ta đồn “hồn ma bóng quế khóc cười ngày đêm”. Anh Năm tôi khoảng 9 tuổi được chị mượn đi theo “cho có bạn và bớt sợ”. Năm 1952 gia đình tôi gồng gánh về lại

Phan Thiết. Về lại Phan Thiết không phải về lại chốn cũ dưới dốc Cầu Quan có “Nhà Hàng Manchaud của một ông chủ Tây cụt tay, thích săn voi, săn cọp” mà về ở phía sau Phố Năm Căn của Phường Đức Long gần Đồn Chũ Y, gần Khu Mả Lạn, gần Khu Mả Lở và ở trong khu đất rộng chừng một cây số chiều ngang mà một bên là biển và một bên là sông đầy xương rồng, lười long, bồn bồn, mù u, keo...hoang sơ, cô liêu. Lúc bấy giờ còn Chiến Tranh Việt-Pháp, xe tăng nghiêng đường rầm rầm và súng nổ tặc tặc đùng đùng thường đêm và phố phường chưa có đèn điện, tối om om. Ớn đạn lạc tên bay. Ớn Ma Nghĩa Địa trên Căn về. Ớn Thành Hoàng, Thổ địa. Ớn thiên địa Ngũ Hành gốc cây Dúi bên hông trụ sở Phường Đức Long...



Núi Ba Hòn

bồng tháng ngày lớn lên theo sóng biển khi động khi yên và giòng Sông Cà Ty một ngày hai lần con nước lên, xuống nhập nhằng khung trời hắt hiu, cô quạnh nửa thành nửa thị. Chắc người ta “ngửi” thấy mùi chiến tranh chầm dứt gần kề, nên dân ở bưng biển, ruộng rẫy, nhất là Mạt Khu Ba Hòn về rất đông. Nơi mà năm 1952 tôi có 2 lần vào thăm anh Hai của tôi theo Việt Minh ở trồng. Con đường dài từ nhà đến Xà Khòm, vào Cát, vô Vườn Xoài, qua những khúc đường mòn rừng rú, hầm

chông, mìn bẫy, những chòi cao có người đứng trên quan sát...cũng mất hết bốn tiếng đồng hồ. Tôi còn nhỏ, chợn căng chưa quen đi xa, mỏi và đau quá! Một lần bị mấy chiếc Máy Bay Bà Già của Tây đi “patrouille” thành linh, tôi hoảng hồn theo dân là Dân Việt Minh ở đây “đụt” xuống hầm nằm không ngộ ngoạ. Tôi cứ thắc mắc đến bây giờ “Tây nó biết rõ những người này là Việt Minh, sao lỏng lẻo đến mức chỉ có một toán lính gác ở Cát soát xét một cách qua loa cho có”? Ba má tôi gởi Thuốc Quinine, sữa đặc, cái Đồng Hồ Wyler cho anh tôi, không có chút gì rắc rối, phiền hà. Năm 1954, người ta ở đây rất đông, rủ nhau vào Vùng Tập Kết để tiễn đưa kẻ đi ra Bắc, người ở lại trong Nam. Ba tôi, anh Ba tôi có đi trong dịp này về kể lại với biết bao niềm vui và tự hào. Năm này, Ba tôi cũng báo cho anh Hai Hốt đang là Cảnh Sát ở Đồn Chũ Y biết rằng anh Hai tôi trong Ba Hòn về “đầu thú” làm dân. Bấy giờ, xóm đã có gia đình tôi và các gia đình Anh Năm Say, Chú Năm Ngõi, Chú Thí, Thím Cai, Chị Ba Chắc, Bác Sum, Cô Đào, Chú Bốn, Anh Hai Dư, Chị Lực, ...Và rồi, lần lượt sự đời: Chú Thí đâm đầu vào xe “poids lourd” tự tử

ở Cây Số 5 để thím sống một mình nuôi hai đứa con gái tên Mèo và Chó; Thím Cai dắt ba người con, một trai hai gái về xứ Quảng Bình của thím “theo Bác và Đảng”; Cô Đào theo chồng qua Chợ Gò và chết đuối ở Thương Chánh để lại đứa con trai là Lại Thế Thiết và đứa con gái không



nhớ tên, hình như là tên Tuyết; Chú Bốn đạp xích lô tận tiệm mua được cả chục chiếc xe xích lô cho người ta mượn ... Tôi học Lớp Ba Trường Tiểu Học Đức Long trong Vạn Khánh Long. Vạn Khánh Long có vườn dừa nằm thấp bên dưới với cái giếng cạn nhiều nước. Trên sân, hai cây bông sứ lúc nào cũng sum suê lá và hai màu vàng, đỏ đầy cành. Thường mỗi trưa không ngủ, chúng tôi năm ba

đứa leo trèo, đùa giỡn, la hét, đánh lộn...rồi huề cả làng. Nhà Ông Cửu Mạnh sau lưng cây me đằng kia chắc không thích chút nào mấy đứa nhỏ sao ngày nào như ngày nào “không để người ta ngủ trưa”. Bên hông trường, mới chôn “Ông Lựu”, đất vun cao thành cái mả vừa quá to lại hết sức dài, bên trên là cái nhà tô che mưa nắng mới lợp có Ông Từ lo nhang đèn và cây bông điệp đỏ mỗi ngày mỗi lớn cao thêm, nhiều bông hơn.

Đức Long nằm bên hữu ngạn Sông Cái mà khúc nhà tôi ở có tên là Sông Cà Ty và khúc trong thành phố chảy ra biển có tên là Mường Mán. Cho nên, không lạ gì kỷ niệm nhiều nhất của tôi thời con nít và trai trẻ lớn lên vẫn ở bên nay đầu Cầu Quan. Ai lại không biết, Phan Thiết có lớn gì bao nhiêu và ngoại ô miệt vườn, đồng ruộng cũng không phải là xa lắc xa lơ lắm đâu thì tôi cũng thường xuyên lên cầu qua bên kia Phú Trinh, Vĩnh Thủy, Trinh Tường, Đại Nấm. Lầu Ông Hoàng...nhưng đó là thời tuổi đã lớn, học Trung Học Phan Bội Châu và con đường lính tráng trước mắt. Bên nay Cầu Quan, cả một thị tứ của thành phố: các Phường Đức Thắng, Đức Nghĩa, Lạc Đạo và Đức Long của tôi có một hậu trường sân khấu Mả Lạn, Cấn, Xóm Câu, Xóm Ghẹ, Xà Khòm, Phú Lâm, bãi biển, con sông...Tôi muốn nói “cái tôi” hồi đó của những năm 1952 mới về Phan Thiết cho đến khi ra Trường Phan Bội Châu cuối năm 1963. Hồi những năm đầu thập niên 1950, Bãi Biển Xóm Câu kéo dài xuống Xóm Ghẹ, kéo vào tới đồi Cấn hướng Kê Gà, nước biển trong xanh, trời đất bao la. Làm sao mà quên cho được bờ cát phẳng bằng, trắng mịn, sóng êm đềm vào bờ ra bờ không tiếng động. Đây, đó “rau muống biển” dọc ngang trên dốc cao lơ thơ vài cây gai phất phơ. Những con còng con nỏ đùa trong gió yên lành, hạnh phúc...Khung cảnh thiên nhiên nhẹ nhàng, êm ả một ngày bao la đất trời và con người...Mỗi chiều, nhất là những Ngày Chủ Nhật, Thứ Bảy dân bốn phía thị thành Phan Thiết đổ xô lên Đức Long mà túa ra biển say mê tắm mát. Hồi đó, người ta bắt sò tại chỗ và nặn chanh với chút muối tiêu “ăn sống tại chỗ” một cách thú vị, “vừa ngon lại vừa bổ”, nghe nói với nhau như vậy. Chúng tôi, những đứa nhỏ gom giấy nhật trình làm trái banh đá với nhau quyết liệt, ăn thì vỗ

tay cười, thua cũng có những giọt nước mắt buồn. Xóm Câu đi “lưới rừng” bắt bất cứ thứ cá gì chun vào “đáy” hay mắc vào mảnh bằng chiếc ghe thả lưới sát bờ. Xóm Ghẹ đi “lưới 5”, “lưới ghẹ” chuyên đánh bắt ghẹ...bằng cái thúng chai. Tôi vẫn thường nghe “Xóm câu ăn cá bỏ đầu, nhà quê thấy dzậy xỏ râu đem dzề” không biết có ý nghĩa gì xa xa bên trong. Có điều, ở đây vùng đất vừa biển vừa đồng, không thiếu gì lời ong, tiếng ve “trên rừng có con “mót”, dưới biển



có con “hôi”. Thời ở Phú Lâm, dù tôi cỡ 6, 7 tuổi cũng đã biết được “mót” là thế nào. Và ở đây xóm biển, tôi lớn lên rồi, biết được “hôi” là thế nào. Mót thì công khai lượm thứ người ta bỏ sót. Hôi thì chùng lén ăn cắp cá của người ta lơ dểnh. Làm sao tôi quên đi được anh em thằng Hòa, thằng Hiệp con Chú Thím Hai Bắc. Vì nhà nghèo, tụi nó phải đi hôi cá dưới Cồn Chà mà không ngày nào không bị đánh. Một ngày, thằng Hòa bị một Người Nốt Xối quá ác, đánh Hòa học máu tươi, bầm

cả mặt mày, tím cả tay chun, nằm liệt giường hơn một tuần lễ. Có phải vì cuộc đời quá khắc nghiệt như thế đó mà sau này Hiệp trở thành “Đại Ca” danh trấn giang hồ vùng Bến Xe Bình Triệu? Tiếc là, từ sau năm 1954, Người Hòn từ Phú Quý vào đông, quần cư dưới những tàn Dừa Bung đã làm cho Bãi Biển Xóm Câu Xóm Ghẹ đâu còn thanh bạch nữa. Người ta quay lại Thương Chánh, Hàng Dương sạch sẽ hơn là đương nhiên. Bãi biển gì mà mạnh ai nấy cất nhà lấn ra tới mép biển thì đổ trời mà còn, chưa nói dư dáy thì ôi thôi đáng buồn hết sức! Năm 1953, mấy người trong xóm có bác tôi, ba tôi rủ nhau sửa sang lại một cái am cũ kỹ, đổ nát thờ Thần Hoàng, Thổ Địa đặt tên là Miếu Ngũ Hành dưới tàn cây dúai già cả trăm năm sát bên Trụ Sở Phường Đức Long. Nơi đây là “tụ nghĩa đường” của những thằng nhỏ chúng tôi những ngày nghỉ học để đánh bài, đánh “sơn tây”, đánh “đáo lặc”, đánh “vụ”, đánh “trông”...với nhau mấy thằng Xí, Chánh, Cẩm, Hùng, Chài, Lưới, Hà, ...Một hôm, hai con rắn nằm gọn trong đồng gạch vụn là những “Ông Táo” hết xài, người ta quăng ra đó. Mấy đứa đòi “đánh chết đi” và mấy đứa nhất định không cho đánh “rắn ông, rắn bà”. Đánh với không đánh rắn ông rắn bà, tụi nó đánh lộn với nhau đã đành. Về nhà, đứa nào đứa nấy cũng bị ba má tụi nó “phết” cho một trận đòn không phải vì rắn mà vì đánh lộn, làm mích lòng người lớn chòm xóm với nhau. Những năm trước 1955, 1956 ở đây nhà cửa đếm trên đầu ngón tay nhưng mả mồ thì trùng trùng đếm làm sao cho xuể. Những cái mả vôi, mả đá ong to lớn như cái nhà, cái am, cái miếu của Người Hời để lại từ một vài trăm năm qua chung đụng với những cái mả đắp đất, xây gạch, tô xi măng của Người Việt, Người Tàu sau này. Ngày xưa thời chinh chiến đánh nhau chí tử, bây giờ chết đi rồi, nằm đây bên nhau thôi giặc giã một cách bình yên, quạnh quẽ. Mình sống ở đâu có gì, mình vui

ở đó có nấy. Những cái mả, những nấm mồ thời bấy giờ, ban ngày chúng tôi ở đó chơi trò phục kích và phản phục kích của Mọi Da Đỏ với Hoa Kỳ Anh, Hoa Kỳ Em, bắt chồn hoang, rượt chó lạc, đánh bầy chim, đào hang đông, bắt dế đá, đập rắn rít...Nhưng ban đêm “trốn” kín trong nhà còn lấm la lấm lét sợ quỷ tha, ma bắt. Dần dà, người ta ở đâu rủ nhau về tụ tập ở đây trở nên đông đảo, bót hoang liêu, cô tịch. Họ cất nhà trên những rừng cây gai kín mít xương rồng, lưới long bị



Hố Lở

Hố Lở

ban ra hay trên những nấm mồ không còn ai thân nhân chăm sóc, bị đào xới, san bằng, “cải tang”. Tôi thấy những khúc xương tay, xương chũn của người chết tự thuở nào mục nát, những cái sọ người chỗ mất chỗ còn lòi 3 cái lỗ trống trơn của mắt, của mũi mà trong lòng ngậm ngùi “sao người ta ác quá”. Những năm 1955, 1956 tôi chừng 13, 14 tuổi thường theo anh tôi và các anh Bùi Nhật Huy, Ung Văn Giàu cầm nạn thun đi bắn chim khắp vùng Giếng

Rọc, Xà Khòm, Cát, Cầu Bốn Mươi...Đi với mấy ông này, tôi chưa bao giờ thấy các ông bắn được một con chim nào. Tôi cứ nghĩ, mấy ông đi là đi lang thang dang nắng, dầm mưa là chính, chứ bắn với đăm ai, có khi còn chọc người ta chứ là khác! Vậy mà, tôi chạy theo cũng hụt hơi. Ai đời đường cái quan thanh thanh đã làm ra đó không đi, lại len lỏi trong nghĩa địa mà phải leo trèo lên mả mồ người ta mà nói rằng “mới có cu, mới có chềng chềng mà bắn chớ”. Thật ra, hồi đó ở đây, đất chỗ nào cũng là đất chôn người, không nghĩa địa thì cũng mả lạn. Từ giáp ranh với Phường Lạc Đạo, ngay nhà anh em Ung Văn Giàu, Ung Văn Đức trở lên Cẩn hay vào Cầu Bốn Mươi, tất cả là xóm làng của người chết hết trơn. Giếng Rọc là địa danh cung cấp nước uống cho dân Phan Thiết loại nước giếng màu đục đục trắng như thể lợn cợn bụi cát pha bùn. Giếng, hầu hết nằm sát dưới hàng trăm trăm ngàn nấm mồ chôn đã hàng chục năm có khi cả hàng trăm năm cũng có mà mới chôn ngày hôm qua cũng có...Có phải xương cốt của người chết làm ngon giọt nước Giếng Rọc ở đây hay không mà những con bò vàng từ từ mờ sáng đến chiều tối cọc cọc cạch cạch kéo thùng nước bán cho người thành phố thích “nước Giếng Rọc uống ngon”. Chúng tôi thường vào con đường cát nhỏ nơi Xà Khòm đến Hố Lở, lên Đình Làng Phú Lâm, vào khu nghĩa địa...thường tới nhà Bác tôi ở Lò Tỉn Cây Số Sáu. Hố Lở có hai bờ thành đất đỏ cao và ở giữa có khe nước nhỏ thiệt là nhỏ chảy quanh năm. Là một vùng cát với cát, những thặng nhỏ chúng tôi hồi đó mấy khi mang giày mang dép, đi trưa không đũa nào không nháy cẳng cho khỏi phỏng chũn. Hố Lở vừa có nước vừa khuất nắng trưa lại vừa mát mẻ nên rõ ràng là nơi lý tưởng cho những thặng nhỏ ngu thiệt là ngu chúng tôi, trời nắng chang chang mà vẫn đầu trần, chũn đất rong chơi. Nơi đây, một trận chiến của mấy thặng nhỏ chia hai phe đánh nhau thật sự. Một

phe của mấy đứa chặn bò nhà quê ngang tàng. Một phe của mấy đứa học trò trói gà không chặt



ở thành phố. Tát nước, ném đá, đánh roi...và ngay cả xáp lá cà vật lộn với nhau, mấy thằng Phan Thiết tụi tôi bị rượt chạy không kịp thở. May tụi nó sợ bò lạc mà thôi truy đuổi, không thì mấy đứa tôi cũng bị “ôm đòn”. Và Đình Làng Phú Lâm, chúng tôi ít khi la cà đến bởi vì hoang phế, đổ nát. Hoang phế đổ nát vì đã không còn ai chăm sóc và thường bị “mọt chê” của Pháp câu từ trên Căn xuống những năm còn chiến tranh.

Mấy đứa nhỏ từ tuổi tôi trở lại ngày một đông hơn, chúng tôi lại thường quanh quẩn khu Chùa Mả Lạn, người ta cũng gọi là Chùa Long Hải và Chùa 7 Đầu Rồng. Hai chùa nằm trong nghĩa địa gần Đồn Chử Y thuộc Phường Đức Long gần nhà. Chùa Mả Lạn có từ thuở nào tôi chưa sinh ra, nằm trên cao với nhiều bậc tam cấp, mặt tiền chùa hướng ra biển, chung quanh có nhiều cây bông sứ, bông nở quanh năm. Chùa 7 Đầu Rồng trong khu vườn mát bóng cây dừa xiêm, ổi xá lỵ và làn nước ao hồ mát lành phủ đầy rong rêu, bèo cám li ti bênh bồng. Chùa mới cất, chắc năm 1958, 1959 gì đó? Đến đây, chúng tôi trước là được ăn xôi chè sau là được nghỉ mệt và lúc nào cũng không nghe lời Sư Bà, Đại Đức “đừng bắn chim nhen các con”. Con đường từ Cây Me Nhà Thờ Lạc Đạo trên đường Trần Quý Cáp lên tới Căn có tên là Con Đường Nghĩa Địa vì không ngày nào không có đám ma và tiếng than khóc thảm thương của thân nhân người quá cố. Những đứa bé chúng tôi thét rồi cũng chai trước cảnh đời đôi ngã tử biệt sinh ly đầy nước mắt. Người chết đâu mà chết nhiều quá sức, đám ma thường đến nỗi, vắng một bữa là người lớn cứ oang oang nói “hôm nay không thấy đám ma” như một mong đợi không thấy tới mà nhớ! Những Ngày Thanh Minh, người ta đi đầy đường từ 3, 4 giờ sáng đến chiều tối. Nhất là Người Tàu thường vác cuốc xẻng, chở xe “đồ cúng” nào là heo quay, hàng mã; nào là giấy vàng bạc, nhang đèn...đông, vui hơn ngày hội. Đứa em gái tôi chôn ở Cây Số Sáu được “dời mộ” về gần Căn, nên nhà tôi hằng năm đi thăm mộ một lần Tháng Chạp và một lần Thanh Minh. Những lần như vậy, mấy thằng nhỏ chúng tôi bấy giờ cũng đã lớn lớn rồi, cho nên thường bày trò đi vòng vòng lên Căn. Căn, người Phan Thiết hồi đó gọi theo tên một trại người Tây lập ra năm 1940 có tên là Camp Esepic. Esepic viết tắt từ École Supérieur d'Éducation Physique de l'Indochine, người mình dịch ra là Trường Cao Đẳng Thể Dục Thể Thao Đông Dương. Căn nằm trên vùng đất cao là căn cứ quân sự sau đó của Pháp và Việt Nam Cộng Hòa, một mặt nhìn ra biển, một mặt hướng sâu vào rừng và một mặt bao quanh những nghĩa địa, nghĩa trang mà xa xa dưới kia là Thành Phố Phan Thiết. Căn, anh Hai tôi vì một cơn ho không nín được năm 1951 tưởng bị thằng Trung Đội Trưởng Việt Minh đập đầu chết rồi vào một ngày tấn công Lính Tây ở đây. Lần đầu

tiên trong đời, năm 1953 anh em thằng bạn học cùng Lớp Tư là Quách Kim Bửu và Quách Kim Hoa cho tới nhà coi phim câm “Sạt Lô” thấy lạ và hay quá sức. Về sau lớn lên mới biết cinéma mà vào hoặc là Rạp Phạm Ngọc Thìn sau đổi lại là Modern hoặc là Rạp Ánh Sáng lúc đầu rồi cũng đổi tên là Bình Thuận. Phan Thiết sau có thêm Rạp Hồng Kim thành Hồng Lợi và Lilas là sau

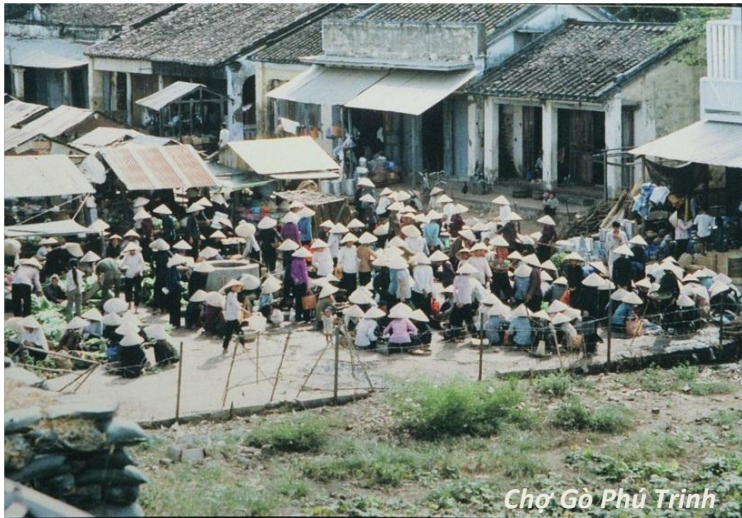


cùng cho tới ngày Việt Cộng vào chiếm cứ Miền Nam Việt Nam gọi là Giải Phóng. Rạp Phạm Ngọc Thìn hồi đó dù còn rất nhỏ, tôi vẫn nhớ có ra thai “xổ đề”. Thai “xổ đề” thường là 2 hay 4 câu thơ có vần có điệu mà ý nghĩa của nó người ta muốn diễn giải sao thì diễn giải cũng đúng hết, không trật chút nào. Chỉ người đánh xổ đề trật thì nhiều mà trúng thì rất ít mà thôi. Số đề hồi đó, con dê mang số 35 hay số 35 có hình con dê nên về

sau, người ta thường kêu “Ba Lăm Con Dê” là vậy. Thời đó, tôi thấy người Việt Nam mình tán gia, bại sản vì “xổ đề” cũng nhiều. Thuở đó, nơi Rạp Phạm Ngọc Thìn, Rạp Ánh Sáng lúc nào Cu Ly, con O Hùng thấy tôi đang xớ rớ quanh đó là “allez-hop vô đây”. Tôi vô coi, có khi ngồi, có khi đứng. Ngồi hay đứng với thằng nhỏ tôi đâu quan trọng. Quan trọng là được coi phim thì khoái chết cha rồi. Thời bấy giờ, có nhiều đứa nhỏ hạng tôi thường là phè đi theo người lớn không quen không biết như thể con cháu người ta mà vào. Tụi nó thường bị xô ra, đuổi đi vì mấy người xét vé ở đây có lạ gì “mấy thằng quỷ” này. Nhưng tụi nó là thứ “mặt dày mày dạn” thì ăn thua gì, “không được keo này thì bày keo khác” vậy. Rồi thằng nào thằng nấy làm đủ cách, cuối cùng cũng vô được mà coi. Cu ly bán đậu phụng rang, hột dưa, cà rem cây, xét vé vô cửa và cả “bụi đời” giang hồ con nít. O Hùng có 3 người con: người con trai cả tên Trung theo đoàn “xiệc” đi mất từ những năm 1949, 1950; chị Bé con gái kể đi ở đợ, bán xe nước đá; Cu ly là trai út lang bạt, đánh giày, bán cà rem...và ưa đánh lộn. Hồi đó, các rạp hát thường chiếu “permanent” và tôi với mấy đứa bạn nhóc con Đức Long cứ chun đầu vào Ánh Sáng coi cho đã rồi cầm ổ bánh mì vừa ăn vừa chun đầu nữa vô Modern. Mấy đứa nhỏ coi cả sáng đến chiều mà không thấy mệt, không thấy mỏi mắt chút nào, còn ghiền nữa chớ. Các rạp thường mượn xe ngựa có người ngồi ở trong xe vừa đánh trống tùm tùm vừa thỉnh thoảng rải những “tờ programme”. “Tờ programme” là một tờ giấy in một phần kể tóm tắt nội dung câu chuyện của cuốn phim, một phần giới thiệu những cuốn phim sắp chiếu và sẽ chiếu nay mai. “Tờ programme” in nhiều màu “xanh xanh đỏ đỏ” trẻ nhỏ nó thích. Tụi nó sưu tập thành một “collection” các “tờ programme” này lại mà đóng thành tập để nhá le với bạn bè. Về sau, người



ta thay thế xe ngựa bằng xe Lambretta cho văn minh hơn. Nói chí tình, tôi ít khi “coi cạp” như



mấy thằng ngang tuổi tôi ở dưới Phố Gia Long, chẳng phải tốt lành gì mà tại tính “hay mắc cỡ”. Không biết tại sao người ta hay nói “coi cạp”? Tại sân vận động, tôi coi đá banh có vài lần mấy người lớn “bao” và cũng có vài lần “coi cạp”. Thường từ Đức Long qua sân vận động, một nhóm mấy đứa nhỏ chúng tôi đi đường Cầu Quan, quẹo trái qua Trường Nữ Tiểu Học, quẹo phải vào Chợ Gò, quẹo trái ra Hải Thượng Lãn Ông cà

kê dê ngỗng hơn cả một giờ đồng hồ. Trong Chợ Gò, nhà anh em người đá banh nổi tiếng ở Phan Thiết là Néo và Ta bán tạp hóa. Trước nhà Néo và Ta là nhà Chú Đồng làm Y Tá ở Bệnh Viện Phan Thiết. Chú Đồng, tôi không quên chút nào, chắc là Người Quảng Trị. Năm 1955 tôi học Lớp Nhì Trường Nam Tiểu Học bị mẻ chai đâm vào đầu gối mà thành vết thương mưng mủ. Tôi đi cà nhắc cà nhắc đến Trạm Y Tế trên đường Ngô Sĩ Liên, một bên với Ty Công An thời Ngô Đình Diệm. Chú Đồng bưng ra một khay nhỏ có cái kéo, miếng bông gòn, chai thuốc đỏ... Chú bảo: “kéo quần lên” với khuôn mặt đỏ lòm như mới nhậu về. Một cục bông gòn cuộn vào đầu cây kéo và nhúng vào chai thuốc đỏ, chú “quét” ngay vết thương của tôi một cái. Trời đất ơi, tôi tá hỏa tam tinh, đau hết biết! Chú rải một ít thuốc bột màu trắng cho hút khô máu đang chảy ra rồi băng lại. Chú đứng dậy nói “xong rồi” và đi ngoay ngoáy không một lời chỉ bày! Bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn thấy “đau hết biết” của thời bấy giờ. Năm học Đệ Ngũ, mấy anh bạn có bồ có bịch mà rùng rình tình yêu học trò. Tôi cũng muốn lắm chớ, nhưng sợ bị chọc quê mà nhịn thềm. Nói gì nói, rồi cũng có bạn gái làm mối tình đầu để ngân nga “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy, ngàn năm hồ dễ đã ai quên” với người ta. Chúng tôi đến lúc đó cũng đã lớn rồi, không còn tập hợp năm ba đứa mặc quần xà lỏn áo thun đi bắn chim ở Mả Lạn, đánh đá ở Miếu Ngũ Hành, đá banh giấy ở bãi biển hay Ruộng Cô Hảo nữa. Cứ ngày lễ hay Chủ Nhật một nhóm có trai, có gái rủ nhau đạp xe đạp đi nhà quê. Nhà quê thường là Phú Lâm, Phú Hội, Phú Long, Lầu Ông Hoàng, Trinh Tường, Đại Năm...Có khi lên nhà thằng Thanh học cùng lớp ăn trái điều xắt lát, trộn với cá khô xé nhỏ và lá của bông vạn thọ trước nhà. Có khi lên nhà thằng Hùng ở Tân Phú Xuân ăn cơm nấu gạo mới gặt với nước mắm dầm ớt tươi hái ngoài vườn. Có khi song song hai chiếc xe đạp với “người tình trăm năm” quen đó rồi xa đó đi lòng vòng mà không biết đi đâu. Những năm trước đó, nhà anh Hai tôi ở Phú Lâm, tôi thường với những thằng cùng xóm như Sanh, Hùng, Hòa, Tăng...đến câu cá nơi con suối trước nhà hay loanh quanh bên Quận Hàm Thuận.

Chợ Ngã Hai xế bên Quận Hàm Thuận càng ngày càng nhộn nhịp người đông mua bán, chúng



Quận Hàm Thuận

tôi thường ghé lại uống nước chanh muối và nghỉ chợp. Ngang trước mặt quận đường, chúng tôi đi thẳng lên Ngã Ba Văn Lâm ghé nhà thằng Lũy, thằng Điệp người Bắc Di Cư theo chăn trâu và ăn “sắn” luộc chấm muối ớt. Từ đây, có khi đi thẳng tới Mương Mán có khi băng qua Phú Hội, ghé nhà thằng Chừ, thằng Nguyên. Một hôm gặp thằng Đinh Văn Quyền dắt về nhà “đãi” ăn một tô bột khoai mì quậy với nước sôi có cục đường tán đen. Ở đây, tôi không biết tại sao dân địa phương gọi là Ngã Hai mà lẽ ra là Ngã Ba hay không

có Ngã nào hết mới phải? Một lần câu cá ở ruộng ở Gò Bồi, tôi không câu được một con cá trê, một con cá rô nào nhưng câu được cái môi trên của thằng Sanh, người bạn lớn lên từng ngày với tôi ở Đức Long. Hôm đó, có một con cá kéo câu, tôi giật mạnh cần câu lên. Con cá không thấy. Thấy lưới câu móc vô cái môi nhiều chuyện của nó. Vừa hoảng hồn vừa đau hết sức, nó la quá trời quá đất. Anh Hai tôi phải lấy cái kềm cắt đứt cái ngành lưới câu mà rút ra với một chút máu chảy và môi sưng lên. Hồi gia đình về lại Phan Thiết năm 1952 còn Pháp, tôi thấy ngày ngày có một chiếc xe tải của Sở Vệ Sinh Thị Xã Phan Thiết đi lấy rác trên đường Trần Quý Cáp tới Đồn Chũ Y là cuối cùng. Xe đó, dân ở đây gọi là “Sở Thùng” đem rác là đủ thứ dơ thúi, tanh hôi, cứt đá...ra đổ ngoài động cát gần Cầu Ké mà sau Dân Ba Làng di cư vào lập thành Thanh Hải sầm uất, thanh tân. Năm 1954, tôi với vài thằng bạn con nít có một lần đèo xe đạp đi tới đó là cùng rồi quay về. Hồi đó, con đường này đầy cát với cát làm thành những đụn, những động cần cỗi, lưa thưa cỏ cây và trời đất mịt mùng mỗi lần có cơn gió lốc qua....Sau những năm 1960, ở đây dân cư đã đông, có nhà thờ, có chợ búa, có trường học, có nhà gạch ngói...tôi với bạn bè qua lại thường. Cầu Ké kể bên ngôi chợ càng ngày càng đông đúc nằm bên dưới con lộ, chúng tôi cứ xuống con sông dưới cầu mà tắm thỏa thuê. Nước sông ở đây lành lạnh cái lạnh của biển khơi và mặn mặn cái mặn muối biển chắc không ở đâu có, ngay cả Sông Cà Ty của tôi ở Đức Long. Sự phát triển lần lần cư dân và thành phố là đương nhiên theo thời gian. Cũng như khu vực Ngã Bảy có 2 khoảng đất trống, một nằm trên Đường Võ Tánh phía tay phải của hai tiệm Thuốc Xắt Hồng Phát và Thanh Hương bán thuốc rê, thuốc lá và Thuốc Cầm Lệ mà sau này lập Trụ Sở Phường Đức Nghĩa; một là phía tay trái của Tiệm Chụp Hình Hồng Anh lập ra dãy phố có tiệm Chụp hình Mỹ Hưng của nhà Lâm Đạo Hùng, Có Tiệm Vải Nam Phong của bà mà người ta cũng gọi là bà Nam Phong và tiệm Thuốc Tây Phan Thiết của Dược Sĩ Phạm Thị Bạch Ngọc. Khu đất

trống đó là nơi “Sơn Đông Mãi Võ” bán thuốc cao, đơn, hoàn, tán của mấy anh Ba Tàu từ Sài Gòn ra. Hồi đó quá nhỏ, tôi còn nhớ ông Lê Văn Quý cũng đi quảng cáo nhố rằng không đau “Lê



Văn Quý, con mắt hí hí, nhố rằng bằng điện khí. Cô nào Tuổi Tý, ưng tui tui cho ăn mút bí”. Thơ với thần như vậy mà người lớn, trẻ nhỏ có cả thằng tôi và mấy đứa bạn đi theo cười hô hố cũng lạ. Nhưng có điều chắc chắn họ cũng như chúng tôi cười là cười cái điệu bộ hề hết sức buồn cười và hai con mắt lé xệ đá qua đá lại của ông ta. Cũng như con Đường Nguyễn Du từ Ngã Bảy chạy hết bức tường thành nhà lâu của Bác Sĩ Ung Văn Vy tới Đường Trần Hưng Đạo hồi đó tôi

thỉnh thoảng theo mẹ đi Chợ Chiều bên nay đường hay theo anh tôi coi đá gà nằm sâu bên kia đường và chung quanh là các người bán than, củi, ...và bến xe ngựa chạy Phú Lâm. Coi đá gà, một lần bị Cảnh Sát rượt chạy, người ta nhiều người mất nhiều con gà “chiến” và tôi mất cả một đôi guốc xuồng vông mới mua. Về nhà bị la mắng quá sức dù chỉ là đôi guốc nhưng cũng nhiều tiền đâu phải ít đối với con nhà nghèo. Về sau, cả khu vực con đường này mọc lên 2 dãy phố lầu hai bên có Rạp Hát Lilas tân kỳ gắn máy lạnh của Ông Hứa Văn cũng là chủ hãng “Rượu Ta Nhiều Bá Bán Tại Đây”. Hãng Dệt Chấn Hưng và “Hãng Nước Đá” chắc có từ thời tôi chưa nằm trong bụng mẹ cũng không còn. Đằng kia, Trường Trung Học Tư Thục Bồ Đề mở ra và Bác Sĩ Ung Văn Vy mua lại lâu đài cũ thời Pháp làm nhà ở và khám bệnh. Nhà đúc to quá, cổ quá tôi nhiều lần được thằng Thời kêu vô chơi, ngồi dưới giàn Dạ Lý Hương sát vòng thành nơi đường Nguyễn Du nghe mùi hương thơm ngào ngạt mà ớn ma quỷ, rần rít. Tụi nó cứ người lớn nói hoài: “ngồi dưới gốc Dạ Lý Hương ban đêm dễ gặp ma, gặp quỷ, gặp yêu tinh và thấy rắn bò là thường”. Thằng Thời, sau không nghe tin tức gì. Nó ở nhà quê, chắc làm du kích hay giao liên cho Việt Cộng mà chết rồi chẳng? Bạn bè tôi học ở Phan Bội Châu, nhiều đứa ở Lại An, Xuân Phong, Đại Nấm, Ma Lâm, Tân Phú Xuân, Gò Bồi, Mương Mán, Phú Lâm...theo Việt Cộng không thấy trở về. Tụi nó đi là đi biệt. Nghĩ cũng buồn, anh em đó mới ngày hôm nay bạn bạn bè bè thì mai đã tìm nhau mà giết chết. Thằng Hùng cùng Lớp Đệ Nhị C với tôi đã từng chia nhau điều thuốc, nhường nhau chỗ nằm ngủ, cùng nhau dạo phố đêm, với nhau đồng ca những bài ca tình thời chinh chiến, vào Chùa Ông coi đánh võ, xin xăm...mà vô bụng, quay đầu súng lại bắn xối xả vào những người anh em mới đó là bạn bè thân thiết. Vô tâm, bất nhẫn biết chừng nào! Thời thì, đổ thừa cho chiến tranh, cũng tại vì chiến tranh mà ra hết là xong, phải vậy không Hùng, Thời, Kính, Lan,...và mấy đứa bạn bè mày theo Việt Cộng? Nhắc đến Chùa Ông lại nhớ những

năm đầu 1950 đi coi Lễ Rước Ông. Người Tàu làm cho người Việt bắt chước, hưởng ứng tôn thờ Quan Công là Quan Thánh Đế Quân mà quên đi những vĩ nhân của mình sờ sờ trước mắt Quang Trung, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo...Chùa Ông còn gọi là Chùa Quan Thánh Đế Miếu đối với mấy đứa



Lễ Rước Ông - Rước Chùa Ông

nhỏ chúng tôi, đứa nào không biết hay không có một thời với cái này hay cái kia ở đó. Tôi thì vẫn nhớ những lần “xô giàn”, rước Ông, đấu võ đài...Lễ Rước Ông gì mà suốt một ngày Lân, Rồng, trống, chiêng, người với người kín cả thành phố tượng bừng, náo nhiệt. Một Con Rồng bằng vải to cả 2 thước, dài cả 200 thước và mấy chục người cầm cây ở trồng điều khiến uốn, lượn. Những con Kỳ Lân nhảy múa, lăn lộn theo nhịp đánh “chập chả” và trống khua. Cho nên, không lạ

gì, người ta ở nhà quê vốn tính kỷ “ăn bữa giỗ lổ bữa cày” vậy mà dám bỏ cày, bỏ cấy mà dắt vợ con “cơm vắt cơm bới về thành coi Lễ Rước Ông”. Xô giàn thì những cỗ bánh, trái, muối, gạo...kết thành những tháp nhọn to lớn đặt trên cao và ở dưới, người đông đến nỗi mình cứ nghĩ y như toàn dân Thành Phố Phan Thiết dồn cục lại nơi đây đứng chờ, sẵn sàng dẫm đạp lên nhau cho đến chết mà giành giật. Một trận đấu võ đài ở đây, tôi không nhớ năm nào và chắc Trọng Đãi đứng ra tổ chức, đã gây nhiều sững sờ cho tôi hết sức? Người ta giới thiệu Con Hùm Xám Miền Trung hay Con Hùm Xám Khánh Hòa gì đó cũng Con Hùm Xám “chưa bao giờ biết thua” đấu với Võ Sĩ Moustaya được quảng cáo như có cặp chơn “đá song phi” trời đất vô song “thần sầu quý khóc”. Con Hùm Xám chịu không nổi “cặp chơn đá song phi trời đất vô song” mà chịu thua. Tôi thấy Moustaya nhập đòn dễ dàng và Con Hùm Xám “ôm đòn” cũng dễ dàng. Tại sao vậy cà? Tôi tự nghĩ, một võ sĩ lầy lừng như Hà Trọng Sơn, không biết còn nhớ đúng tên hay không mà “hở” quá, không “kín” chút nào để Moustaya muốn “nhập nội” lúc nào là nhập vậy sao!? Người ta đồn Moustaya đánh võ “bùa”. Tôi hồi đó không tin, vì sau đó vài năm, các võ sĩ Lào, Cambodge đánh te tua các võ sĩ gạo cội Việt Nam tại Sài Gòn, dĩ nhiên có cả Moustaya nhà ta nữa mà! Bùa với phép gì đâu. Khoảng năm 1961, năm 1962, nếu tôi nhớ không lầm, Chú Năm Qua là Khu Trưởng Khu Phố 7 và Anh Trần Văn Bảy, dân ở đây gọi là Bảy Ròm làm Phường Trưởng Phường Đức Long, thường Ngày Chủ Nhật lừa bắt cứ ai trong Khu Phố, trong Phường phải ra hết bờ sông, ra hết bờ biển mà rào hàng rào Ấp Chiến Lược. Năm đó tôi đang học Lớp

Đệ Tứ hay Lớp Đệ Tam gì đó, phải siêng năng khiêng những cuộn dây kẽm gai, những cuộn



**Hàng Rào Ấp Chiến Lược**

concertina nặng lắm với những cọc sắt dài, ngắn...mệt quá trời là mệt mà cứ bị thúc “mau lên” và bị chê “làm dở ẹc”. Chịu thua mấy ông hồi đó Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia bắt người ta làm như trâu cũng không vừa bụng. Mấy người đàn bà trong Hội Phụ Nữ Liên Đới chỉ việc bưng nước đá chanh cho mấy cô Thanh Nữ Cộng Hòa, mấy cậu Thanh Niên Cộng Hòa cũng có vừa lòng được mấy ống đầu, luôn luôn bị la “mau lên, mau lên” hoài. Chương Trình Ấp Chiến Lược, “The Strategic Hamlet Programme” tôi được biết, do Sir Robert Thompson người Anh bày ra. Ấp Chiến Lược rào 5, 10 căn nhà lại thành một nhóm với nhau, có cổng ra vào, không luông tuồng, trong đó có liên gia, có ngũ gia và từng gia đình được dòm ngó với nhau một cách chặt chẽ. Việt Cộng nếu còn Ấp Chiến Lược, tôi nghĩ chắc chắn khó hoạt động biết chừng nào. Tiếc là sau 1 tháng 11 năm 1963, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng lại bỏ đi, để

mấy tên Việt Cộng có chỗ len lỏi vào mà quậy, mà phá, mà khủng bố...một cách dã man. Cũng thời gian này, mấy đứa học trò tụi tôi có trai, có gái thường vô Quán Kem Liên Hưng bên hông Khánh Long mà ăn kem, nghe nhạc. Quán tuy nhỏ nhưng đồng điệu tuổi học trò. Mỹ Vũ âm u, tìm đâu ra cuộc hẹn hò tình tự. Khánh Long hợp là hợp cho ai kẻ từng trải chút vị phong trần. Đào Viên rủng rỉnh chút tiền ăn chơi ta đây người lớn. Vào Liên Hưng nói với cô gái Người Tàu cho nghe “Trăng Tàn Trên Hè Phố”. “Phố Vắng Em Rồi”. “Nỗi Buồn Góc Trọ” một bên với em, với Kem Flanc, với ai ai cũng lặng nghe thì thiên thu lãng mạn. Cho nên, đã trên 50 năm, hay đúng hơn là đã 60 năm với vài năm lẻ nữa là khác, một khi nhắc về Phan Thiết tuổi thơ của tôi, không bao giờ tôi không nghĩ đến Quán Kem Liên Hưng một thời kỷ niệm thương biết mấy thuở học trò của tôi dù có đi qua, đi qua, đi biệt biệt nhưng vẫn còn bóng dáng, hơi hám để lại đằng sau. Tôi làm thơ đúng là thứ dân có biết làm thơ bao giờ: “Ta đi để lại đằng sau. Thuở đời mộng mị lao xao mây trời. Nhớ thương nuôi tiếc đầy vơi! Thời hoa niên đó một đời ngàn năm”. Nói tới “một bên với em, với Kem Flanc, với ai ai cũng lặng nghe thì thiên thu lãng mạn”, tôi không làm sao không nhắc tới biết bao kỷ niệm êm đềm, thơ mộng, trong sáng hơn trăng sao vàng vặc với một người con gái Nàng Đệ Ngũ và tôi Chàng Đệ Nhị đã thông dong bước vào “Thời Hoa

Niên Đổ Một Đồi Ngàn Năm”. Tình trường, em tuy Nàng Đệ Ngũ nhưng rành rọt hơn nhiều tôi Chàng Đệ Nhị. Lại một điều, tôi chưa bao giờ thấy em mặc áo quần nào khác hơn bộ quần dài, áo dài cùng một màu trắng hay quần dài trắng với áo dài màu tím mà tôi gọi là màu tím hoa cà



*Những cô nữ sinh áo dài tha thướt*

và bị chê là sai bét “màu tím ni là Màu Tím Huế anh ơi”. Có phải vì gia giáo gia đình Người Huế “đi mô, làm chi cũng quần áo dài” và ba cô là thầy giáo và “mạ” cô là cô giáo? Nơi Trường Phan Bội Châu chúng tôi học, Nàng Đệ Ngũ học ở dãy nhà trệt phía sau mới làm. Tôi ở từng dưới dãy lầu trước có từ khai thiên lập địa Phan Bội Châu. Ngồi tới ngồi lui, hai đứa cũng ngồi phía bên cửa sổ để nhìn nhau, làm ám hiệu nhau, ngoắt tay nhau...làm cho Thầy Tâm dạy Lý Hóa,

Thầy Ân dạy Vạn Vật và ngay cả Thầy Hộ dạy Anh Văn la hoai: “học không lo học, lo trời trăng mây nước”. Chúng tôi thường đi hai đứa với nhau hay cùng với bạn bè vào ăn kem, vào ciné hay ra bãi biển, ra đồng quê. Dẫu đi đâu thì đi và làm gì thì làm, tôi cũng thấy người tôi yêu chỉ với quần áo dài truyền thống như đã nói ở trên. Lại thiệt là lạ! Nhưng thật tình mà nói, em mặc như vậy, trông em hết sức đài các, hết sức dịu dàng và quyến rũ tôi biết chừng nào! Nhiều khi tôi thấy em đẹp, em đẹp lạ lùng làm tôi không ngăn được phần khích mà “nịnh đầm” theo Nguyễn Bính “cứ mặc như thế cho vừa lòng anh” thì bị véo nơi cánh tay đau thì có đau mà vui thì cũng vui nhiều nụ cười hai đứa. Có phải như vậy không, tôi thấy những nữ sinh mặc quần áo dài đi một mình hay năm ba người với nhau vừa đi vừa trò chuyện thì đẹp thiệt là đẹp nét đẹp thanh thoát, thùy mị, thơ mộng. Cho nên, dù xa ở đâu và lâu đến chừng nào đi nữa, tôi có quên bao giờ “em của tôi áo dài thướt tha, lãng mạn” tôi thường nói và em thường tặng tôi một “que củ dại” đánh đít. Có điều, mối tình đầu nào rồi cũng bay cao, bay xa, bay biên biệt. Sự hiện hữu của nó y như một bông hoa tươi sắc cho người ta chút hương vị thơm tho đời người “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” nhưng nhất định không bao giờ đơm trái. Người bồ Nàng Đệ Ngũ của tôi đi lấy chồng không một lời từ biệt. Mối tình đầu không cánh mà “bay cao, bay xa, bay biên biệt” không bao giờ cho tôi gặp lại và cũng không bao giờ tôi còn được nghe lại “màu tím ni là Màu Tím Huế anh ơi”.

Đời người rồi cũng như giòng nước chảy qua, chảy đi không bao giờ trở lại. Có điều, con người còn có cái đầu để ghi và cái bụng để nhớ. Cho nên, dẫu có vật đổi sao dời nhưng ký ức vẫn giữ lại dù không hết, không nhiều cũng cho ta những hình hài một thuở lờ mờ xưa có khi thật là xưa để nay thành kỷ niệm. Kỷ niệm nào một thời đã qua đi theo tháng ngày chập chùng dù vui hay buồn, nhục hay vinh đều có một giá trị hết sức quý báu. Và quý báu hơn

nữa, quý báu biết chừng nào khi những “tang điền thương hải” Ông Tạo bày trò mất mát còn còn, có có, không không mà ta đây vẫn hiện hữu như một thử nghiệm chứng nhân, chứng tích



tìm đâu ra cái của ta đã đi ngược chiều thời gian lần vào quá khứ và vào quên lãng...? Như tôi bây giờ đang ngồi đây bên khung cửa sổ, tay cầm ly cà phê đen nóng bốc hơi, nhìn ra ngoài kia xa xa Buổi Sớm Mơi Mùa Thu Kansas City trời xám mờ mờ xuống thấp, bàng bạc, yên bình không một sóng động không gian, lá cây đỏ, vàng, tím, xanh lượn theo làn gió thoảng bay đi bay đi biệt về chốn thiên thu ký ức nghìn trùng...Là hững hờ, làm sao người ta có kỷ niệm? Nếu

người ta không có cái đầu để ghi khắc “Buổi Sớm Mơi Mùa Thu Kansas City” này đây và không có cái bụng yêu thương nó để ghi nhớ đầy vui nỗi niềm trong lúc này đây thì mai một còn gì, có gì? Một lần đi theo Nàng Đệ Ngũ tới nhà thằng Kính ở ngoại ô Phan Thiết chơi như picnic cuối tuần của một “Rendez-Vous”. Kính dắt hai đứa tôi đi dọc theo hai bờ con suối nhỏ có nhiều cây keo sum suê trái nhưng còn non xanh nhiều hơn chín đỏ. Những cây keo này đầy gai cứng và kín mít như bụi rậm, không leo trèo được và cũng không dễ tới gần. Hái trái, chỉ có cách là làm một cây móc dài, đứng xa dưới gốc cây mà “móc” nó xuống. Kết quả, trái hái không được bao nhiêu mà tôi bị xước, bị rạch, bị chảy máu và em thì muốn khóc vì cái quần dài, cái áo dài bị rách tẹt nhiều nơi “còn bận gì nữa”. Và “còn bận gì nữa” thiệt, tôi có thấy em mặc lần nào nữa bao giờ! Đó, đó là dấu vết chặng đường cuộc đời có việc làm trí óc của tôi và có việc làm ruột gan của tôi làm tôi nhớ như in người con gái tôi yêu một thuở kỷ niệm một đời. Làm người, ai cũng có kỷ niệm. Ở đây, tôi nói kỷ niệm của tôi thời tuổi trẻ. Tuổi trẻ không có quá khứ, không bận tương lai, chỉ có hiện tại và cho hiện tại ./.

**NGUYỄN THỪA BÌNH**

**Thu 2012 ( 27/10 Nhâm Thìn )**